

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 15 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tòng

Ông Nguyễn Đức Hưng

- **Thư ký phiên tòa** : Ông Phạm Viết Chiến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Khắc Duyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn K, sinh ngày 19 tháng 02 năm 1997 tại phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: TDP D, phường X, thị xã Nn, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Lê Thị X; có vợ là Đỗ Thị H, bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 13/11/2013 bị Công an huyện Tĩnh Gia xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

- Ngày 05/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 48 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo Bản án số 109/2014/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2017.

- Ngày 27/9/2020 bị Công an thị xã Nghi Sơn khởi tố bị can về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn đình chỉ vụ án do bị hại rút yêu cầu khởi tố.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2023 đến ngày 11/8/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Nơi cư trú: TDP Đ, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Lê Ngọc P, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Cao Văn Q, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Nơi cư trú: TDP L, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Nơi cư trú: TDP V, phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Nơi cư trú: TDP L, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2018 đến ngày 25/6/2023, Lê Văn K đã cho một số cá nhân trên địa bàn vay tiền với lãi suất cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự bằng hình thức thỏa thuận miệng. Việc trả tiền nợ gốc và lãi vay được thực hiện thông qua chuyển khoản đến số tài khoản 2080167896789 tại Ngân hàng MBBank của K hoặc người vay sẽ trực tiếp trả tiền mặt cho K.

Để quản lý việc cho vay, K vào mạng Internet đăng nhập vào phần mềm quản lý tài chính “Mecash” với tên miền trang Web là <http://.lcash.info> và đăng ký sử dụng dịch vụ, mở tài khoản có tên đăng nhập là “Mrztuan192” và sử dụng mật khẩu “0868136345” để theo dõi người vay, số tiền vay, lãi suất vay và thời hạn thanh toán.

Quá trình điều tra xác định hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Lê Văn K như sau:

- Ngày 20/9/2018, K cho anh Trần Văn Đ vay số tiền 40.000.000 đồng với mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày. Từ ngày 20/9/2018 đến ngày 20/8/2019 (334 ngày), anh Đ đã trả cho K tổng số tiền lãi là 41.440.000 đồng, tương đương với mức lãi suất 113,22%/năm, cao gấp 5,66 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi tối đa K được thu theo quy định là 7.320.548 đồng, số tiền K thu lời bất chính được xác định là 34.119.452 đồng. Ngày 20/8/2019, anh Đ đã trả toàn bộ tiền gốc cho K.

- Ngày 04/10/2018, K cho anh Lê Ngọc P, vay số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày. Từ ngày 04/10/2018 đến ngày

15/4/2023 (1654 ngày), anh P đã trả cho K tổng số tiền lãi là 72.250.000 đồng, tương đương với mức lãi suất 159,44%/năm, cao gấp 7,97 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi tối đa K được thu theo quy định là 9.063.014 đồng, số tiền K thu lời bất chính được xác định là 63.186.986 đồng. Ngày 25/4/2023, anh P đã trả toàn bộ tiền gốc cho K.

- Ngày 19/10/2019, K cho anh Cao Văn Q, vay số tiền 6.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/triệu/ngày. Từ ngày 19/10/2019 đến ngày 10/11/2022 (1118 ngày), anh Q đã trả cho K tổng số tiền lãi là 33.570.00 đồng, tương đương với mức lãi suất 182,66%/năm, cao gấp 9,13 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi tối đa K được thu theo quy định là 3.675.616 đồng, số tiền K thu lời bất chính được xác định là 29.894.384 đồng. Ngày 10/11/2022, anh Q đã trả toàn bộ tiền gốc cho K.

- Ngày 04/10/2022, K cho anh Phạm Ngọc L, vay số tiền 40.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/triệu/ngày. Từ ngày 4/10/2022 đến ngày 13/10/2022 (09 ngày), anh L đã trả cho K tổng số tiền lãi là 1.200.000 đồng, tương đương với mức lãi suất 121,67%/năm, cao gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi tối đa K được thu theo quy định là 197.260 đồng, số tiền K thu lời bất chính được xác định là 1.002.740 đồng. Ngày 13/10/2022, anh L đã trả toàn bộ tiền gốc cho K.

- Trong khoảng thời gian từ ngày 20/5/2022 đến ngày 05/4/2023, K cho Nguyễn Đình H, vay 04 lần, cụ thể:

+ Ngày 20/5/2022, K cho anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày. Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 07/7/2022 (48 ngày), anh H đã trả cho K tổng số tiền lãi là 1.960.000 đồng, tương đương với mức lãi suất 149,04%/năm, cao gấp 7,45 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi tối đa K được thu theo quy định là 263.014 đồng, số tiền K thu lợi bất chính được xác định là 1.696.986 đồng. Ngày 07/7/2022, anh H đã trả toàn bộ số tiền gốc cho K.

+ Ngày 30/8/2022, K cho anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 30/8/2022 đến ngày 25/6/2023 (299 ngày), với mức lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/ 01triệu/ 01ngày, anh H trả cho K tổng số tiền lãi là 12.000.000 đồng, tương đương với lãi suất 146,49%/năm, cao gấp 7,32 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi tối đa K được thu theo quy định là 1.638.356 đồng, số tiền K thu lợi bất chính được xác định là 10.361.644 đồng. Ngày 25/6/2023, anh H đã trả toàn bộ tiền gốc cho K.

+ Ngày 24/02/2023, K cho anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/triệu/ngày. Từ ngày 24/02/2023 đến ngày 18/6/2023 (114 ngày), anh H đã trả cho K tổng số tiền lãi là 5.040.000 đồng, tương đương với

mức lãi suất 161,37%/năm, cao gấp 8,07 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi tối đa Khoa được thu theo quy định là 624.658 đồng, số tiền K thu lợi bất chính được xác định là 4.415.342 đồng. Ngày 18/6/2023, anh H đã trả toàn bộ tiền gốc cho K.

+ Ngày 05/4/2023, K cho anh H vay số tiền 7.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/triệu/ngày. Từ ngày 05/4/2023 đến ngày 23/6/2023 (79 ngày), anh H đã trả cho K tổng số tiền lãi là 2.800.000 đồng, tương đương với mức lãi suất 184,81%/năm, cao gấp 9,24 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi tối đa K được thu theo quy định là 303.014 đồng, số tiền K thu lợi bất chính được xác định là 2.496.986 đồng. Ngày 23/6/2023, anh H đã trả toàn bộ tiền gốc cho K.

Tổng số tiền K đã sử dụng cho anh H vay là 27.000.000 đồng, anh H đã trả cho K tổng số tiền lãi là 21.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa K được thu theo quy định là 2.829.042 đồng và số tiền K thu lợi bất chính là 18.970.958 đồng. Anh H đã trả toàn bộ số tiền gốc trên cho K.

Ngoài hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nêu trên, quá trình điều tra còn xác định Lê Văn K còn có hành vi cho 13 cá nhân khác vay tiền với lãi suất cao với tổng số tiền là 162.000.000 đồng. Tuy nhiên, các khoản vay đều có số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và tính đến thời điểm bị cáo ra đầu thú (ngày 27/6/2023) đều đã hết thời hiệu xử lý hành chính. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn K các lần cho vay này.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2018 đến ngày 25/6/2023, Lê Văn K đã cho 05 cá nhân vay 08 lần tiền, với mức lãi suất từ 113,22% đến 184,81% cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền K sử dụng cho vay là 76.000.000 đồng; tổng số tiền lãi tối đa K được thu theo quy định là 23.085.480 đồng và tổng số tiền K thu lợi bất chính là 147.174.520 đồng. Những người vay đã thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi vay cho K.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ của Lê Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 356681089384231, bên trong lắp sim Viettel có ghi số 8984048000913684137, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 6590/KL-KTHS ngày 05/10/2023, giám định đối với chiếc điện thoại đã thu giữ trên, phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận (BL: 65->90):

“ - Tìm thấy 177 nhật ký cuộc gọi, 32 tin nhắn SMS, 05 tin nhắn Zalo, 193 tin

nhắn Facebook Messenger lưu trữ trong máy điện thoại.

- Không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn lưu trữ trong thẻ SIM kèm theo.

** Kèm theo Kết luận giám định: 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu (Trên đĩa DVD có chữ ký của Giám định viên). ”*

Sau khi phục vụ công tác giám định, chiếc điện thoại di động hiện đang được quản lý chờ xử lý theo quy định.

Đối với 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu (Trên đĩa DVD có chữ ký của Giám định viên) kèm theo Kết luận giám định được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 135/CT-VKSNS, ngày 21/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa giữ quyết định truy tố đối với bị cáo và Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 35 và Điều 38 Bộ luật hình sự, tuyên bố Lê Văn K, phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 tháng đến 10 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam.

Đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 356681089384231, bên trong lắp sim Viettel có ghi số 8984048000913684137, đã qua sử dụng.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền bị cáo sử dụng cho vay là: 76.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay cụ thể như sau:

+ Trả lại cho anh Cao Văn Q số tiền 29.894.384 đồng;

+ Trả lại cho anh Phạm Ngọc L số tiền 1.002.740 đồng;

- Truy thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền bị cáo thu lợi phát sinh từ tội phạm (khoản tiền tương ứng với lãi suất 20%/năm) là 23.085.480 đồng.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của phạm tội của mình; bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2018 đến ngày 25/6/2023, Lê Văn K đã cho 05 cá nhân, gồm anh Trần Văn Đ, Lê Ngọc P, Cao Văn Q, Phạm Ngọc L và Nguyễn Đình H vay tổng số tiền 76.000.000 đồng với lãi suất từ 113,22% đến 184,81% (gấp từ 5,66 lần đến 9,24 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự), qua đó thu lợi bất chính số tiền 147.174.520 đồng.

Vì vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nêu trên, quá trình điều tra còn xác định Lê Văn K còn có hành vi cho 13 cá nhân khác vay tiền với lãi suất cao với tổng số tiền là 162.000.000 đồng. Tuy nhiên, các khoản vay đều có số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và tính đến thời điểm bị can ra đầu thú (ngày 27/6/2023) đều đã hết thời hiệu xử lý hành chính. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn K các lần cho vay này.

[3] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tính chất của vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục, trừng trị các bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:
Về nhân thân bị cáo là người có nhân thân xấu.

Tình tiết tăng nặng: Các lần bị cáo cho anh Trần Văn Đ và anh Lê Ngọc P vay tiền đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính cho những người vay tiền là anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Đình H và anh Lê Ngọc P; anh Đ, anh H và anh P có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; khi biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện bị cáo đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá đầu thú, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Quyết định hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính và bị kết án, nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, mà lại phạm tội, chứng tỏ bị cáo không có khả năng tự cải tạo, nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để giáo dục và trừng trị bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, nên áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 201 xử phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

[7] Xử lý vật chứng:

* Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 356681089384231, bên trong lắp sim Viettel có ghi số 8984048000913684137, đã qua sử dụng là công cụ phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

* Số tiền bị cáo sử dụng cho vay là: 76.000.000 đồng là phương tiện phạm tội, những người vay đã trả cho bị cáo, nên truy thu từ bị cáo số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

* Số tiền bị cáo thu lợi bất chính trên mức lãi suất 20%/năm từ những người vay, trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính cho những người vay tiền là anh Trần Văn Đ, anh Nguyễn Đình

H và anh Lê Ngọc P. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính của anh Cao Văn Q và anh Phạm Ngọc L, buộc bị cáo phải trả lại số tiền này cho anh Q và anh L, cụ thể:

- Trả lại cho anh Cao Văn Q số tiền 29.894.384 đồng;
- Trả lại cho anh Phạm Ngọc L số tiền 1.002.740 đồng;

* Số tiền bị cáo thu lợi phát sinh từ tội phạm (khoản tiền tương ứng với lãi suất 20%/năm) là 23.085.480 đồng cần truy thu của bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 35 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn K, phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Xử phạt Lê Văn K 07 (bảy) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/6/2023 đến ngày 11/8/2023, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bổ sung Lê Văn K 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 356681089384231, bên trong lắp sim Viettel có ghi số 8984048000913684137, đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2023 và Phiếu nhập kho số: NK2024/19 ngày 21/11/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghi Sơn và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn).

* Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền của bị cáo sử dụng cho vay là: 76.000.000 đồng (bảy mươi sáu triệu đồng).

* Truy thu số tiền bị cáo thu lợi phát sinh từ tội phạm (khoản tiền tương ứng với lãi suất 20%/năm) là 23.085.480 đồng (hai mươi ba triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng).

* Buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay, cụ thể:

- Trả lại cho anh Cao Văn Q, sinh năm 1996; Nơi cư trú: TDP L, phường H, thị xã N, tỉnh T Hóa số tiền 29.894.384 đồng (hai mươi chín triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi tư đồng)

- Trả lại cho anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1996; Nơi cư trú: TDP V, phường

X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa số tiền 1.002.740 đồng (một triệu không trăm linh hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CQANĐT CA tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Nghi Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Sơn